

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2599/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 12 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh vốn kế hoạch năm 2019 chuyển nguồn sang kế hoạch năm 2020 để tiếp tục thực hiện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm 2019 sang năm 2020 để tiếp tục thực hiện (số dư dự toán chuyển nguồn theo quy định);*

*Căn cứ Quyết định số 2086/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh vốn kế hoạch năm 2019 chuyển nguồn sang kế hoạch năm 2020 để tiếp tục thực hiện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 432/TTr-STC ngày 10 tháng 11 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh vốn kế hoạch năm 2019 chuyển nguồn sang kế hoạch năm 2020 để tiếp tục thực hiện. Cụ thể như sau (kèm theo các phụ lục):

Đơn vị tính: Đồng.

S T T	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh vốn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
-------------	-----------	-----------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------	------------------------	------------------------


	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.604.584.286</b>	<b>4.604.584.286</b>	<b>1.058.709.177</b>	<b>1.058.709.177</b>
1	Thành phố Hà Tiên	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
2	Huyện Hòn Đất	2.481.600.000	2.481.600.000	299.000.000	299.000.000
3	Huyện An Biên	2.122.484.286	2.122.484.286	259.709.177	259.709.177

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. UBND các huyện, thành phố: Hà Tiên, Hòn Đất, An Biên chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu, đồng thời có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và đẩy nhanh tiến độ công trình, đảm bảo thanh quyết toán đúng các quy định hiện hành.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố: Hà Tiên, Hòn Đất, An Biên sử dụng ngân sách, thẩm định và kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách theo luật định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động-Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Hà Tiên, Hòn Đất, An Biên; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

### **Nơi nhận:**

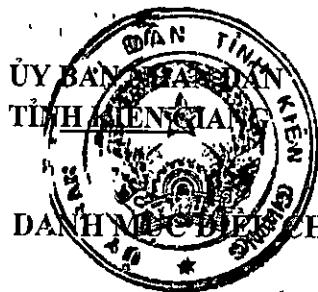
- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chín**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 CHUYỂN NGUỒN SANG  
NĂM 2020 - THÀNH PHỐ HÀ TIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: đồng

Số TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Ghi Chú
1	2	3	4 = 3+6	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
I	<b>Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới</b>	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
1	Nhà máy xử lý nước sinh hoạt	500.000.000	1.000.000.000	500.000.000	0	
2	Cấp nước xã Tiên Hải (giai đoạn 3); HM: đường ống cấp nước	0	-63.000.000		63.000.000	
3	Khu xử lý rác thải xã Tiên Hải; HM: xây mới hàng rào - hồ chôn lấp rác	0	-132.000.000		132.000.000	
4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Thuận Yên; HM: tuyến ống cấp nước HDPE - D90	0	-305.000.000		305.000.000	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 CHUYỂN NGUỒN SANG**  
**NĂM 2020 - HUYỆN HÒN ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 2599 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: đồng

Số TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Ghi Chú
1	2	3	4 = 3+6	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.481.600.000</b>	<b>2.481.600.000</b>	<b>299.000.000</b>	<b>299.000.000</b>	
1	<b>Nguồn xố số kiến thiết</b>	<b>2.481.600.000</b>	<b>2.481.600.000</b>	<b>299.000.000</b>	<b>299.000.000</b>	
1	Trường THCS Sóc Sơn	166.000.000	382.000.000	216.000.000		
2	Trường Tiểu học Linh Huỳnh-SLMB	1.000.000.000	851.000.000		149.000.000	
3	Trường THCS Mỹ Lâm	191.000.000	133.000.000		58.000.000	
4	Trường Mẫu giáo Nam Thái Sơn	15.000.000	6.000.000		9.000.000	
5	Đường kênh Tà Lúa	168.000.000	128.000.000		40.000.000	
6	Đường bờ Tây kênh KH7	120.000.000	111.000.000		9.000.000	
7	Đường kênh Vàm Rầy (phía bờ Tây)	161.000.000	127.000.000		34.000.000	
8	Đường bờ Nam kênh 422	303.600.000	376.600.000	73.000.000		
9	Đường bờ Đông Vàm Rầy (đoạn 2)	357.000.000	367.000.000	10.000.000		



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục III**

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2020 - HUYỆN AN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 2599 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: đồng

Số TT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Kế hoạch điều chỉnh vốn chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Ghi Chú
1	2	3	6 = 3+4-5	4	5	5
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.122.484.286</b>	<b>2.122.484.286</b>	<b>259.709.177</b>	<b>259.709.177</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới</b>	<b>1.957.871.956</b>	<b>1.957.871.956</b>	<b>225.557.146</b>	<b>225.557.146</b>	
1	Đường cấp sông Cái Lớn (ấp Ngã Bát - Mương 40 - Mương Chùa - Hai Tốt)	136.825.050	129.924.960		6.900.090	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở các ấp (trụ sở 10/10 ấp)	70.385.322	38.169.305		32.216.017	
3	Cầu Rọc Nặng (nhà bà 2 Lệ)	74.972.484	34.333.317		40.639.167	
4	XDM đoạn lộ và cầu ngang đê Canh Nông (BTCT)	660.000.000	857.117.158	197.117.158		
5	XDM cầu ngang điểm Trường Tiểu học NTA2 (BTCT)	271.224.729	260.415.872		10.808.857	
6	Sửa chữa cầu ngang kênh Xẻo Quao (nhà anh Phong)	50.000.000	46.536.108		3.463.892	
7	XDM cầu Thái Hòa (BTCT)	132.032.832	134.722.189	2.689.357		
8	XDM cầu ngang kênh 7 Biển (BTCT)	205.000.000	196.495.588		8.504.412	
9	XDM cầu ngang kênh Đê Bô (BTCT)	101.899.138	127.649.769	25.750.631		
10	Cầu Ba Hiệp	113.628.262	74.916.997		38.711.265	
11	Cầu kênh 15 (bờ Đông, bờ Tây)	141.904.139	57.590.693		84.313.446	
<b>II</b>	<b>Nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	<b>164.612.330</b>	<b>164.612.330</b>	<b>34.152.031</b>	<b>34.152.031</b>	
1	Cầu ngang kênh Thứ Hai (ấp Yên Lợi) ngang nhà ông Lộc	125.820.681	91.668.650		34.152.031	
2	Cầu ngang trụ sở ấp Yên Bình	38.791.649	72.943.680	34.152.031		